

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

## Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

### Từ phần trăm đến phần trăm nghìn

Trong bài học này, học sinh học cách diễn đạt số nhỏ và số lớn, từ phần trăm đến phần trăm nghìn. Học sinh học cách viết phần mười và phần trăm bằng cách sử dụng ký hiệu thập phân và tính toán các số nguyên trong phạm vi 1 triệu.

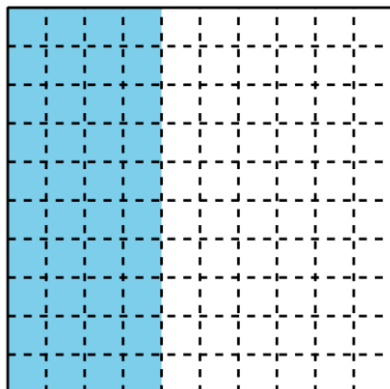
#### Phần A: Số thập phân với phần mười và phần trăm

Trong phần này, học sinh liên hệ phân số  $\frac{1}{10}$  với ký hiệu 0,1 và  $\frac{1}{100}$  với 0,01. Các em sẽ học cách đọc 0,1 là “một phần mười” và 0,01 là “một phần trăm”.

Để kết nối ký hiệu phân số, ký hiệu thập phân và tên của một phân số, học sinh suy luận bằng sơ đồ hình vuông, mỗi sơ đồ đại diện cho 1 và được chia thành phần trăm.

Ô vuông có lưới giúp học sinh thấy rằng  $\frac{1}{10}$  (hoặc 0,1) và  $\frac{10}{100}$  (hoặc 0,10) đại diện cho cùng một giá trị. Điều này cũng giúp học sinh nhận ra phần mười và phần trăm tương đương.

Ví dụ: phần tô bóng của sơ đồ này biểu thị cả 40 phần trăm ( $\frac{40}{100}$ ) và 4 phần mười ( $\frac{4}{10}$ ), vì vậy  $0.4 = 0.40$ .



Ở phần sau của phần này, học sinh xác định vị trí số thập phân trên trục số. Các em so sánh các số thập phân dựa trên kích thước và viết các phát biểu so sánh bằng cách sử dụng các ký hiệu  $<$ ,  $>$  và  $=$ .

#### Phần B: Mối quan hệ giữa giá trị và vị trí trong phạm vi 1.000.000

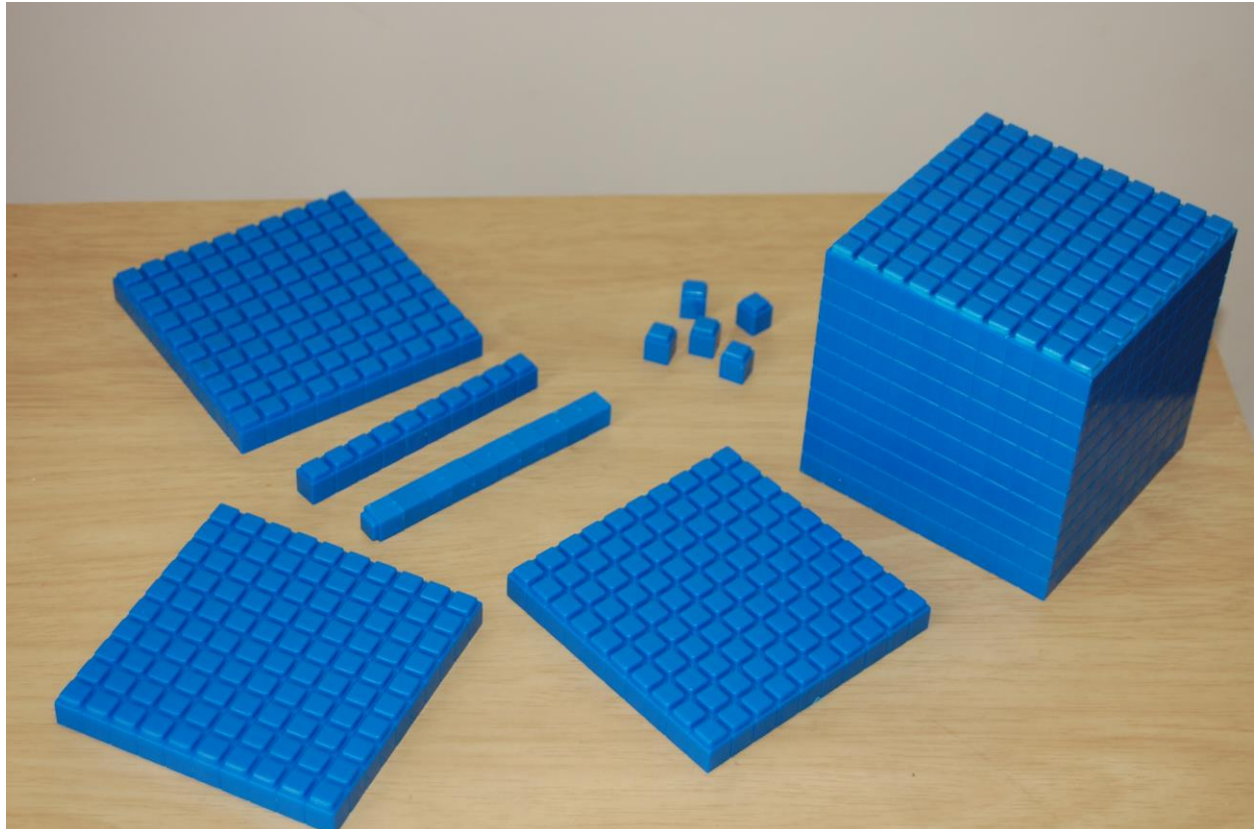
Ở phần này, học sinh hiểu được các số nguyên đến hàng trăm nghìn. Các em sử dụng các khối và sơ đồ mười đơn vị để biểu diễn số lớn.

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Học sinh hiểu được giá trị của chữ số ở mỗi vị trí trong số có nhiều chữ số. Các em thấy rằng một chữ số ở một vị trí có giá trị gấp mười lần giá trị của chữ số đó ở vị trí bên phải nó.

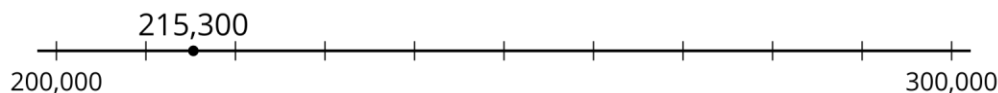


Ví dụ: số 3 trong 347.000 có giá trị gấp mười lần số 3 trong 34.700, vì  $300,000 = 10 \times 30,000$ .

### Phần C: So sánh, thứ tự và làm tròn

Trong phần này, học sinh so sánh và làm tròn các số trong phạm vi 1.000.000. Để so sánh các số, học sinh suy nghĩ về giá trị của các chữ số và xác định vị trí các số đó trên trục số.

Để làm tròn một số, các em nghĩ về bội số của 10, 100, 1.000, 10.000 và 100.000 gần với số đó nhất. Ví dụ: 215.300 được làm tròn đến hàng trăm nghìn gần nhất là 200.000. Sau đó, học sinh giải các bài toán liên quan đến số lớn trong nhiều tình huống khác nhau.



TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

### Phần D: Cộng và trừ

Trong phần này, học sinh học cách sử dụng phép toán chuẩn để cộng và trừ. Giống như ở các lớp trước, học sinh nghĩ đến việc ghép (gộp) hoặc tách (hoặc phân chia) các đơn vị hệ thập phân để cộng và trừ.

Ví dụ: để tìm giá trị của  $17,375 + 14,024$ , trước tiên học sinh có thể viết từng số ở dạng khai triển, sau đó cộng các giá trị ở mỗi hàng (chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị). Sau đó, các em liên hệ cách cộng này với phép toán chuẩn để cộng.

$$\begin{array}{r}
 10,000 + 7,000 + 300 + 70 + 5 \\
 + 10,000 + 4,000 + 0 + 20 + 4 \\
 \hline
 20,000 + 11,000 + 300 + 90 + 9 = 31,399
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 1 \\
 17,375 \\
 + 14,024 \\
 \hline
 31,399
 \end{array}$$

### Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, hãy hỏi học sinh về các số 769.038 và 170.932:

- Giá trị của số 7 trong mỗi số là bao nhiêu? Viết phương trình nhân hoặc chia để thể hiện mối quan hệ giữa hai giá trị này.
- Làm tròn mỗi số đến bội số gần nhất của 1.000 và bội số của 100.000.
- Tìm tổng và hiệu của hai số.

Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh làm toán:

- Con đã tìm đáp án như thế nào?
- Con có thể giải bài toán theo cách khác như thế nào?



Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®